

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
VỪA LÀM VỪA HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 11 năm 2025

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH VỪA LÀM VỪA HỌC ĐỢT 2 NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 2181/QĐ-ĐHSP ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng thi VLVH)

Phòng tập trung: 02 (B3-202)

Ngành: Giáo dục Mầm non

Ngày thi: 23/11/2025

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Môn thi Hát	Điểm số	Điểm chữ	Môn thi Kể chuyện theo tranh	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	25.NK.VLVH.001	Nguyễn Thị Lan Anh	11/05/2007	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
2	25.NK.VLVH.002	Nguyễn Thị Hồng Anh	02/09/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.00	Bảy chẵn	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
3	25.NK.VLVH.003	Trần Thị Nhật Anh	16/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
4	25.NK.VLVH.004	Phạm Tiểu Bảo	09/02/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.00	Bảy chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
5	25.NK.VLVH.005	Nguyễn Thị Bình	15/09/1999	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
6	25.NK.VLVH.006	Đường Linh Chi	16/03/2007	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
7	25.NK.VLVH.007	Trương Thị Kim Chi	08/09/2007	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	8.50	Tám phẩy năm	
8	25.NK.VLVH.008	Lê Phạm Mỹ Chi	22/05/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.50	Bảy phẩy năm	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
9	25.NK.VLVH.009	Nguyễn Thị Kim Chung	11/02/1997	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.50	Bảy phẩy năm	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
10	25.NK.VLVH.010	Hồ Thị Diệu	05/06/2007	Quảng Nam	Nữ	Gié Triêng	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
11	25.NK.VLVH.011	Nguyễn Thị Thùy Dung	23/08/2007	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.00	Bảy chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
12	25.NK.VLVH.012	Trần Thị Thanh Dung	29/07/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
13	25.NK.VLVH.013	Lê Thị Thùy Duyên	30/04/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
14	25.NK.VLVH.014	Lê Thị Gái	17/07/1995	Quảng Nam - Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.00	Bảy chẵn	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
15	25.NK.VLVH.015	Võ Thị Phương Giang	22/03/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.00	Bảy chẵn	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
16	25.NK.VLVH.016	Nguyễn Thị Minh Hà	01/06/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.00	Bảy chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Môn thi Hát	Điểm số	Điểm chữ	Môn thi Kể chuyện theo tranh	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
17	25.NK.VLVH.017	Trần Ngọc Bảo Hân	02/12/2007	Kon Tum	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.50	Chín phẩy năm	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
18	25.NK.VLVH.018	Lê Thị Mỹ Hạnh	12/06/1999	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.50	Chín phẩy năm	Năng khiếu 2	9.00	Chín chẵn	
19	25.NK.VLVH.019	Nguyễn Thị Kim Hào	25/02/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.50	Chín phẩy năm	Năng khiếu 2	6.50	Sáu phẩy năm	
20	25.NK.VLVH.020	Đặng Thị Hiền	29/10/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
21	25.NK.VLVH.021	Trần Thị Minh Hiền	30/01/2007	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.50	Bảy phẩy năm	Năng khiếu 2	6.00	Sáu chẵn	
22	25.NK.VLVH.022	Ngô Thị Hiệp	20/06/1999	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
23	25.NK.VLVH.023	Nguyễn Thị Kim Hoàng	27/01/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.00	Bảy chẵn	Năng khiếu 2	6.50	Sáu phẩy năm	
24	25.NK.VLVH.024	Lê Thị Thu Hồng	16/12/2006	Thành phố Huế	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	8.50	Tám phẩy năm	
25	25.NK.VLVH.025	Tăng Thị Thanh Hương	13/09/1997	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
26	25.NK.VLVH.026	Đặng Khánh Huyền	28/04/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
27	25.NK.VLVH.027	Nguyễn Thu Lan	30/08/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
28	25.NK.VLVH.028	Nguyễn Thị Lê	27/09/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.50	Bảy phẩy năm	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
29	25.NK.VLVH.029	Trương Bích Liễu	08/08/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
30	25.NK.VLVH.030	Nguyễn Vũ Phương Linh	17/04/2007	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.50	Bảy phẩy năm	Năng khiếu 2	6.50	Sáu phẩy năm	
31	25.NK.VLVH.031	Nguyễn Thị Linh	21/10/1987	Quảng Nam - Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
32	25.NK.VLVH.032	Trần Thị Thùy Linh	02/09/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.50	Chín phẩy năm	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
33	25.NK.VLVH.033	Đặng Thị Ái Linh	04/06/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.50	Bảy phẩy năm	Năng khiếu 2	6.00	Sáu chẵn	
34	25.NK.VLVH.034	Nguyễn Thị Mai Linh	27/02/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	6.50	Sáu phẩy năm	
35	25.NK.VLVH.035	Nguyễn Thị Hồng Linh	01/09/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.50	Bảy phẩy năm	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
36	25.NK.VLVH.036	Mai Hoàng Ly	01/01/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.50	Chín phẩy năm	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
37	25.NK.VLVH.037	Nguyễn Nho Hương Ly	03/08/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.50	Bảy phẩy năm	Năng khiếu 2	6.50	Sáu phẩy năm	
38	25.NK.VLVH.038	Đinh Thảo Ly	22/07/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	9.50	Chín phẩy năm	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Môn thi Hát	Điểm số	Điểm chữ	Môn thi Kể chuyện theo tranh	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
39	25.NK.VLVH.039	Nguyễn Thị Trà My	06/04/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
40	25.NK.VLVH.040	Lương Thị Hoàng My	14/09/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
41	25.NK.VLVH.041	Trần Nguyễn Thanh Ngân	20/10/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.50	Bảy phẩy năm	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
42	25.NK.VLVH.042	Nguyễn Bảo Ngân	08/04/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	9.00	Chín chẵn	
43	25.NK.VLVH.043	Nguyễn Thúy Ngân	14/11/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	0.00	Không chẵn	Năng khiếu 2	0.00	Không chẵn	Vắng thi
44	25.NK.VLVH.044	Huỳnh Thị Minh Ngọc	05/01/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
45	25.NK.VLVH.045	Thái Thị Nguyên	15/04/1991	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.50	Bảy phẩy năm	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
46	25.NK.VLVH.046	Ngô Thị Như Nguyệt	04/03/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
47	25.NK.VLVH.047	Phan Nguyễn Thanh Nhân	29/01/2000	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
48	25.NK.VLVH.048	Lê Thị Thanh Nhi	02/09/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
49	25.NK.VLVH.049	Trần Thảo Nhi	05/04/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
50	25.NK.VLVH.050	Lê Thị Ngọc Nhi	11/09/2004	Thừa Thiên Huế	Nữ	Pa cô	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	6.50	Sáu phẩy năm	
51	25.NK.VLVH.051	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	08/12/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.00	Bảy chẵn	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
52	25.NK.VLVH.052	Nguyễn Thị Tố Nhi	10/09/2007	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
53	25.NK.VLVH.053	Lê Phan Yên Nhi	07/06/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
54	25.NK.VLVH.054	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	01/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	6.50	Sáu phẩy năm	
55	25.NK.VLVH.055	Lê Thị Yên Nhi	18/04/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	6.50	Sáu phẩy năm	
56	25.NK.VLVH.056	Ngô Phạm Khánh Nhi	06/04/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	6.50	Sáu phẩy năm	
57	25.NK.VLVH.057	Nguyễn Thị Nhiên	05/11/1995	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	8.50	Tám phẩy năm	
58	25.NK.VLVH.058	Đỗ Thị Khánh Như	07/11/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
59	25.NK.VLVH.059	Võ Phan Thị Mỹ Nhung	25/07/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
60	25.NK.VLVH.060	Ngô Thị Nguyên Nhung	28/06/1994	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	10.00	Mười	Năng khiếu 2	9.00	Chín chẵn	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Môn thi Hát	Điểm số	Điểm chữ	Môn thi Kể chuyện theo tranh	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
61	25.NK.VLVH.061	Huỳnh Lê Kiều Oanh	25/10/2007	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
62	25.NK.VLVH.062	Võ Thị Kiều Oanh	28/01/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.50	Chín phẩy năm	Năng khiếu 2	6.00	Sáu chẵn	
63	25.NK.VLVH.063	Huỳnh Kiều Oanh	24/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
64	25.NK.VLVH.064	Võ Thị Hoàng Oanh	31/03/1998	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
65	25.NK.VLVH.065	Trần Lê Như Phương	28/11/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
66	25.NK.VLVH.066	Y Lệ Phụng	24/12/2004	Kon Tum	Nữ	Hà Lãng	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
67	25.NK.VLVH.067	Bùi Tú Quyên	10/07/2007	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
68	25.NK.VLVH.068	Thái Thị Như Quỳnh	03/08/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	0.00	Không chẵn	Năng khiếu 2	0.00	Không chẵn	Vắng thi
69	25.NK.VLVH.069	Coor Soan	21/11/2007	Quảng Nam	Nữ	Cơ Tu	Năng khiếu 1	0.00	Không chẵn	Năng khiếu 2	0.00	Không chẵn	Vắng thi
70	25.NK.VLVH.070	Trần Nguyễn Thanh Tâm	06/01/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
71	25.NK.VLVH.071	Trần Thị Phương Thảo	01/10/2006	Nghệ An	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
72	25.NK.VLVH.072	Nguyễn Thị Thanh Thảo	08/02/1999	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	0.00	Không chẵn	Năng khiếu 2	0.00	Không chẵn	Vắng thi
73	25.NK.VLVH.073	Trần Thị Hương Thảo	09/01/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	6.00	Sáu chẵn	
74	25.NK.VLVH.074	Lê Thị Thanh Thoa	02/02/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.50	Bảy phẩy năm	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
75	25.NK.VLVH.075	Hồ Thị Thu Thơm	31/12/2006	Gia Lai	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
76	25.NK.VLVH.076	Phạm Thị Minh Thư	03/08/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
77	25.NK.VLVH.077	Mai Anh Thư	17/12/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	0.00	Không chẵn	Năng khiếu 2	0.00	Không chẵn	Vắng thi
78	25.NK.VLVH.078	Phạm Thị Mai Thương	30/05/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
79	25.NK.VLVH.079	Nguyễn Thị Hoài Thương	23/03/2007	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	6.50	Sáu phẩy năm	
80	25.NK.VLVH.080	Phan Trần Hoài Thương	02/11/2007	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
81	25.NK.VLVH.081	Nguyễn Thị Hoài Thương	01/01/2007	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
82	25.NK.VLVH.082	Pơ Loong Thị Thúy	17/04/2007	Quảng Nam	Nữ	Cơ Tu	Năng khiếu 1	9.50	Chín phẩy năm	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Môn thi Hát	Điểm số	Điểm chữ	Môn thi Kể chuyện theo tranh	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
83	25.NK.VLVH.083	Lê Nguyễn Minh Thùy	24/08/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.50	Chín phẩy năm	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
84	25.NK.VLVH.084	Nguyễn Thị Thủy	02/11/1997	Quảng Bình	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	6.50	Sáu phẩy năm	
85	25.NK.VLVH.085	Phạm Thị Thanh Thùy	08/12/2005	Hải Dương	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	6.00	Sáu chẵn	
86	25.NK.VLVH.086	Võ Thị Mỹ Tiên	20/01/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.50	Chín phẩy năm	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
87	25.NK.VLVH.087	Nguyễn Thị Bảo Trâm	06/04/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
88	25.NK.VLVH.088	Nguyễn Phạm Bảo Trân	19/06/2007	Gia Lai	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
89	25.NK.VLVH.089	Nguyễn Kiều Đoan Trang	21/10/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
90	25.NK.VLVH.090	Hà Huyền Trang	16/09/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
91	25.NK.VLVH.091	Nguyễn Thùy Trang	29/07/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
92	25.NK.VLVH.092	Hồ Phạm Hạnh Trinh	12/02/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
93	25.NK.VLVH.093	Trần Mỹ Trinh	01/11/1997	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	6.50	Sáu phẩy năm	
94	25.NK.VLVH.094	Lê Thị Bích Trinh	05/05/2000	Tây Ninh	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
95	25.NK.VLVH.095	Nguyễn Võ Thanh Trúc	22/02/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
96	25.NK.VLVH.096	Hồ Thị Tố Uyên	23/09/2007	Đà Nẵng	Nữ	Gié Triêng	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
97	25.NK.VLVH.097	Trịnh Thu Uyên	09/07/1999	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
98	25.NK.VLVH.098	Nguyễn Hồ Khánh Vân	11/01/2007	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
99	25.NK.VLVH.099	Tăng Khánh Vân	28/04/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.50	Bảy phẩy năm	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
100	25.NK.VLVH.100	Huỳnh Thị Yến Vi	29/05/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
101	25.NK.VLVH.101	Lê Thị Yến Vi	25/07/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	8.00	Tám chẵn	
102	25.NK.VLVH.102	Trần Hạ Vy	15/08/2001	Quảng Nam	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
103	25.NK.VLVH.103	Nguyễn Thị Phương Vy	23/10/2007	Đà Nẵng	Nữ	Cơ Tu	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
104	25.NK.VLVH.104	Huỳnh Nguyên Vỹ	06/01/2001	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	9.00	Chín chẵn	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Môn thi Hát	Điểm số	Điểm chữ	Môn thi Kể chuyện theo tranh	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
105	25.NK.VLVH.105	Hồ Thị Ánh Xuân	15/02/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
106	25.NK.VLVH.106	Nguyễn Thị Thanh Xuân	01/01/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
107	25.NK.VLVH.107	Mạc Thị Kim Y	16/07/2006	Đà Nẵng	Nữ	Cơ Tu	Năng khiếu 1	8.00	Tám chẵn	Năng khiếu 2	7.50	Bảy phẩy năm	
108	25.NK.VLVH.108	Phan Bảo Thy	22/07/2007	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	7.50	Bảy phẩy năm	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	
109	25.NK.VLVH.109	Nguyễn Thị Thanh Cúc	15/07/1991	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	Năng khiếu 1	8.50	Tám phẩy năm	Năng khiếu 2	7.00	Bảy chẵn	

Tổng số: 109 thí sinh

Số thí sinh chính thức dự thi: 105 thí sinh

Số thí sinh vắng thi: 05 thí sinh